

Thủ thuật khai man nhiệm sở để thăng hạng đại học

Nguyễn Tấn Đại*

Bản gốc của bài đã được báo *Thanh Niên* biên tập thu gọn và đăng thành hai kì:

- Kì 1: "**Thủ thuật khai man nhiệm sở để thăng hạng đại học**", số 288 (9062), ngày 14/10/2020, tr. 11, <https://thanhnien.vn/giao-duc/thu-thuat-khai-man-nhiem-so-de-thang-hang-dai-hoc-1291186.html>

- Kì 2: "**Thủ thuật khai man nhiệm sở để thăng hạng đại học: Hiện tượng các trường đại học Việt Nam**", số 289 (9063), ngày 15/10/2020, tr. 11, <https://thanhnien.vn/giao-duc/thu-thuat-khai-man-nhiem-so-de-thang-hang-dai-hoc-hien-tuong-cac-truong-viet-nam-1291462.html>

Năm 2003, "Bảng xếp hạng Học thuật các trường Đại học trên Thế giới" (*Academic Ranking of World Universities* – ARWU) được Đại học Giao thông Thượng Hải công bố, với mục tiêu ban đầu là nhằm xác định vị trí của các trường đại học hàng đầu Trung Quốc trên toàn cầu. Tuy nhiên, tác động của cách xếp hạng này đã vượt quá mức mong đợi ban đầu, khi hàng loạt các trường đại học ở nhiều quốc gia trên thế giới bắt đầu quan tâm và sử dụng trong việc quảng bá hình ảnh của mình. So với nhiều bảng xếp hạng khác ra đời trước và sau đó, ARWU có cách tính toán tương đối đơn giản dựa vào các nguồn dữ liệu định lượng độc lập, gây được sức hút nhưng đồng thời tạo nhiều tranh luận về ý nghĩa và sự xác thực của kết quả xếp hạng.

Bảng xếp hạng Thượng Hải đánh giá cái gì?

Về đại thể, ARWU chú trọng đánh giá năng lực nghiên cứu khoa học của một trường đại học thông qua 4 tiêu chuẩn chính: chất lượng đào tạo nghiên cứu; chất lượng giảng viên và cán bộ nghiên cứu, thành quả nghiên cứu, năng lực nghiên cứu bình quân đầu người. Trong đó, chất lượng đào tạo nghiên cứu thể hiện bằng số cựu sinh viên (cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ) đã đạt giải Nobel hoặc huy chương Fields (Alumni). Chất lượng giảng viên và cán bộ nghiên cứu được đo bằng số cán bộ giảng viên (làm việc toàn thời gian) đạt giải Nobel hoặc huy chương Fields (Award), hoặc thuộc nhóm tác giả có chỉ số trích dẫn cực cao (HiCi). Thành quả nghiên cứu được tính theo số lượng bài báo nghiên cứu đăng trên hai tạp chí *Nature* và *Science* (N&S), hoặc được thống kê trong các bộ chỉ mục SCI-E/SSCI (PUB) của Viện Thông tin Khoa học (*Institute for Scientific Information* – ISI), nay thuộc *Clarivate Analytics*. Cuối cùng, năng lực nghiên cứu bình quân theo đầu người (PCP) được quy đổi bằng cách chia điểm số của năm tiêu chí Alumni, Award, HiCi, N&S và PUB cho tổng số giảng viên và cán bộ nghiên cứu làm việc toàn thời gian cho đơn vị được xét.

Điều đáng lưu ý là các tiêu chí liên quan đến con người ARWU được xác định khá rõ. Ví dụ, một người đạt giải Nobel hoặc huy chương Fields vào năm nào, thì các trường nơi họ đang làm việc chính thức (toàn thời gian) sẽ được tính điểm Award, còn các trường nơi họ từng theo học và được cấp bằng từ bậc cử nhân đến thạc sĩ sẽ được tính điểm Alumni. Tùy theo thời gian học và thời gian đạt giải mà tỉ lệ điểm phân phối cho mỗi trường sẽ thay đổi, càng lâu càng giảm dần. Tương tự, tiêu chí PCP dùng để ước lượng năng lực nghiên cứu bình quân của toàn bộ lực lượng giảng viên và cán bộ cơ hữu (làm việc toàn thời gian) của một trường.

Riêng với các tiêu chí liên quan đến bài báo nghiên cứu, ARWU quy định trọng số 100 % cho nhiệm sở của tác giả liên lạc (*corresponding author affiliation*), 50 % cho nhiệm sở của tác giả thứ nhất (*first author affiliation*), 25 % cho nhiệm sở của tác giả tiếp theo (*next author affiliation*) và 10 % cho nhóm còn lại. Dù ARWU không giải thích rõ cách tính điểm khi một tác giả đứng tên cùng lúc 2 nhiệm sở, nhưng cũng có thể hiểu theo cùng logic với các tiêu chí trên, rằng nhiệm sở kèm theo mỗi bài báo là nơi tác giả làm việc toàn thời gian hoặc nơi chủ yếu thực hiện cuộc nghiên cứu. Khi ARWU ra đời gần 20 năm trước, đó là điều gần như mặc nhiên trong cộng đồng khoa học. Tuy nhiên, thời gian gần đây đã lộ lên hiện tượng khai man nhiệm sở khi công bố các công trình khoa học nhằm mục đích thăng hạng trong kết quả hàng năm của ARWU.

* Nhà nghiên cứu độc lập về khoa học giáo dục. Nghiên cứu viên liên kết, Phòng thí nghiệm liên đại học về khoa học giáo dục và truyền thông (LISEC), Đại học Strasbourg, Pháp.

Hiện tượng Saudi Arabia và Chile

Trong quy trình xuất bản khoa học tiêu chuẩn, người ta mặc định khai báo nhiệm sở chính là nơi tác giả làm việc toàn thời gian, hoặc là nơi họ thực hiện chủ yếu công việc nghiên cứu dẫn đến kết quả cần công bố. Theo cách hiểu truyền thống, một bài báo công bố dưới tên trường nào thì trường đó sẽ chịu mọi trách nhiệm về quy trình nghiên cứu và kết quả thu được. Với những lĩnh vực hay chủ đề nghiên cứu đòi hỏi kiểm soát chặt chẽ, mỗi đề tài nghiên cứu thậm chí cần phải được phê duyệt (tiền kiểm) và báo cáo (hậu kiểm) với những cơ cấu chuyên biệt như hội đồng đạo đức, hội đồng y đức, hội đồng khoa học, ban giám sát liêm chính học thuật, v.v. Nghĩa là, nếu đăng một bài báo dưới tên một trường nào đó thì khi có bất cứ vấn đề gì phát sinh, tác giả phải có nghĩa vụ giải trình và liên đới trách nhiệm đối với trường mình đã đứng tên, cả về hai phương diện pháp lý lẫn học thuật.

Tuy nhiên, trong bối cảnh toàn cầu hoá và quốc tế hoá giáo dục đại học, cộng thêm sự phân hoá ngày càng sâu và rộng về lĩnh vực và chủ đề nghiên cứu, cũng như dưới tác động của sự phát triển khoa học công nghệ, nhiều hình thức hợp tác nghiên cứu khác nhau lần lượt hình thành, ngày càng đa dạng và phong phú. Việc một tác giả đứng tên nhiều nhiệm sở trong các bài báo khác nhau, thậm chí trong cùng một bài, thông thường có thể chấp nhận được trong một số tình huống.

Ví dụ như tác giả thay đổi hoàn toàn nhiệm sở và các bài về sau đăng dưới tên nhiệm sở mới. Hay tác giả công tác ở một nơi, thực hiện nghiên cứu ở một nơi khác, và đứng tên cùng lúc hai nơi trong bài đăng, đây cũng là tình huống dễ hiểu. Thậm chí nếu tiến hành nghiên cứu đồng thời tại nhiều nơi hơn và ghi hết các nơi ấy vào bài đăng cũng được, nếu nhà xuất bản cho phép và... có đủ chỗ. Mặc dù vậy, một tổ chức khoa học uy tín là Hiệp hội Tâm lý học Hoa Kỳ (APA) khuyến cáo chỉ nên đứng tên cùng lúc hai nhiệm sở trong một bài báo khi cả hai có sự đóng góp thực tế đáng kể đối với công trình nghiên cứu.

Song song đó, các định chế về liêm chính học thuật như Văn phòng liêm chính học thuật (ORI) Hoa Kỳ (từ 1992), Tuyên bố Singapore về liêm chính học thuật (2010) của Hội nghị Quốc tế về Liêm chính Học thuật (WCRI), Quy tắc ứng xử châu Âu về liêm chính học thuật (2017)... đa phần đều không đề cập vấn đề khai báo nhiệm sở của tác giả các bài báo khoa học. Hầu hết chỉ quy định về sự trung thực của nhà nghiên cứu trong thu thập và xử lý dữ liệu, xác định mức độ đóng góp và thứ tự của các tác giả trong bài báo, hoặc yêu cầu khai báo các nguồn xung đột lợi ích (đặc biệt từ các nhà tài trợ) có nguy cơ gây ảnh hưởng tới cách diễn giải, phân tích, đánh giá kết quả, mà chưa chú ý đến câu chuyện xung đột lợi ích trong khai báo nhiệm sở để đứng tên bài báo.

Ở một số nước như Pháp, nơi cán bộ nghiên cứu và giảng viên đại học là công chức Nhà nước, thì có quy định về nghĩa vụ công chức trong việc khai báo cho cấp trên các công việc có tạo thu nhập ngoài công việc chính, nhưng cũng không có chế tài rõ ràng về việc chỉ đứng tên trường khác nhiệm sở chính trong các bài báo khoa học. Tương tự, WCRI cũng có Tuyên bố Montreal về liêm chính học thuật trong hợp tác nghiên cứu xuyên biên giới, nối tiếp Tuyên bố Singapore, bổ sung thêm những trách nhiệm cụ thể hơn trong hợp tác nghiên cứu, cả ở hai cấp độ cá nhân và tổ chức, đặc biệt là sự công khai, minh bạch trong các thoả thuận hợp tác và nguồn tài chính. Dù vậy, đối với việc đứng tên tác giả khi công bố kết quả cũng chỉ dừng lại ở chỗ cần có sự đồng thuận của các bên liên quan *"dựa trên các tiêu chuẩn về quyền tác giả và công nhận sản phẩm hợp tác nghiên cứu"*.

Đây chính là nguyên nhân của hiện tượng Saudi Arabia, một "ngôi sao" mới trên bầu trời khoa học toàn cầu từ khoảng chục năm trở lại đây. Một bài báo đăng trên tạp chí *Science* vào tháng 12/2011 đã rung lên hồi chuông cảnh báo thủ thuật dùng tiền mua danh tiếng xếp hạng. Cách làm của các trường đại học thuộc quốc gia dầu mỏ này khá đơn giản mà bài bản: mời gọi các nhà khoa học trong danh sách "siêu trích dẫn" của ISI (có trọng số đáng kể trong bảng xếp hạng ARWU) tham gia hợp tác dưới dạng thỉnh giảng hay nghiên cứu, từ đó dùng dòng nhiệm sở thứ hai mà các bài báo khoa học thường chấp nhận để ghi tên trường họ.

Bài báo này gây tiếng vang đáng kể, nhưng rồi sự việc mau chóng chìm xuống. Lí do là có nhiều nhà khoa học bị nêu tên đã phản ứng gay gắt, cam đoan là họ hợp tác thực sự. Và lại, việc ghi đồng thời hai nhiệm sở, một chính là nơi làm việc toàn thời gian, một phụ là nơi hợp tác, cũng khá phổ biến và được chấp nhận rộng rãi. Vì vậy, quyết định tham gia "cuộc chơi" hay không hoàn toàn phụ thuộc vào các yếu tố cá nhân. Chỉ những người có tinh thần đạo đức và liêm chính học thuật thực sự cao mới đủ dũng khí để từ chối mức thu nhập "phụ" vô cùng hấp dẫn (6.000 USD/tháng, kèm tài trợ nghiên cứu khoảng 80.000 USD/dự án), vì tự thấy không trung thực khi được hậu đãi đến thế mà mỗi năm chỉ phải đến tận nơi làm việc trong khoảng 1-2 tuần để gọi là "xây dựng nhóm nghiên cứu".

Vài năm sau, một hiện tượng khác nổi lên ở Chile. Lần này, một nhóm tác giả của Đại học Santiago tra cứu trên 9.000 bài báo thuộc cơ sở dữ liệu Scopus mà tác giả đứng tên nhiều nhiệm sở, trong đó có ít nhất một trường đại học Chile năm 2016, và phát hiện có đến khoảng 40 % tác giả là không kiểm chứng được. Các lĩnh vực có tỉ lệ các bài báo đáng ngờ cao bao gồm khoa học sức khỏe (46 %), khoa học vật lí (42 %) và các nghiên cứu đa ngành (39 %), trong khi tỉ lệ này thấp hơn đáng kể ở lĩnh vực khoa học xã hội (28 %). Tình trạng khai man nhiệm sở này dẫn đến hệ quả là các trường vốn không làm nghiên cứu vẫn có thể lấy được nguồn tài trợ nghiên cứu bằng cách đăng kết quả nghiên cứu thực hiện ở nơi khác. Hoặc là, trường nào có dòng tiền dư dả sẽ có thể tìm cách "mua" sản lượng nghiên cứu mà không cần chú trọng đầu tư vào việc phát triển nội lực đội ngũ nghiên cứu tại chỗ.

Hiện tượng Việt Nam

Năm 2019, Việt Nam lần đầu tiên xuất hiện trong ARWU với Trường Đại học Tôn Đức Thắng (TDTU), xếp trong nhóm 901-1.000. Một năm sau, TDTU cải thiện kết quả đến hai bậc, lên nhóm 701-800. Tuy nhiên, lọc sơ bộ danh sách 2.134 bài báo ISI năm 2019 do chính TDTU công bố, có thể thấy ngay một nhóm 34 tác giả có từ 20 bài trở lên (người nhiều nhất đến... 90 bài), gồm 22 người nước ngoài và 12 người Việt. Trong số đó, 22 người có đứng tên TDTU, bao gồm 14 người nước ngoài và 8 người Việt, nhưng chỉ 2 người (tỉ lệ 9,1 %) có thể kiểm chứng được là cán bộ nghiên cứu thực thụ của TDTU.

Đáng chú ý là trong 865 lượt xuất hiện của 14 tác giả người nước ngoài, chỉ 13,1 % có đồng tác giả người Việt đang công tác tại một trường đại học Việt Nam, và 7,7 % có đồng tác giả người Việt đang công tác tại TDTU. Biết rằng một số tác giả có thể cùng đứng tên trong một hay nhiều bài báo, tổng số bài báo liên quan đến 14 người này, ứng với khoảng 1,3 % tổng số cán bộ cơ hữu của TDTU, có thể dao động trong khoảng 500-600 bài (tỉ lệ xấp xỉ 25 % tổng số bài báo đang xét). Nếu xem việc mỗi tác giả có ít nhất 1 đồng tác giả người Việt cùng đứng tên TDTU là chuyển giao năng lực nghiên cứu, thì tỉ lệ chuyển giao bình quân của nhóm 22 người có "năng suất xuất bản" hàng đầu này của TDTU chỉ là 10,7 %.

Điều đặc biệt ở đây là hiện tượng luân phiên đứng tên TDTU và những trường khác được tổ chức một cách rất nhịp nhàng và bài bản. Khi đứng tên TDTU, tuyệt đại đa số đều dùng cả hai dòng nhiệm sở để ghi hai đơn vị của TDTU, thường là một nhóm nghiên cứu và một khoa đào tạo, mà hoàn toàn không ghi nhiệm sở chính của mình. Tức là, khác với các trường Saudi Arabia hay Chile cho ghi cùng lúc hai nhiệm sở chính phụ để thuyết minh lí do hợp tác nghiên cứu, cách ghi cả hai đơn vị TDTU trong hai dòng nhiệm sở tạo ra một sự nhầm lẫn rằng tác giả là người làm việc toàn thời gian cho TDTU.

Hơn thế nữa, trong số 22 tác giả có đứng tên TDTU nêu trên, 14 người (63,6 %) thường xuyên đứng tên từ 1 đến 3 trường khác trong các bài báo công bố cùng quãng thời gian. Hễ người này đứng tên TDTU thì người kia chuyển qua đứng tên một trường khác, và ngược lại. Dưới đây là một ví dụ điển hình của tác giả Timon Rabczuk thuộc ĐH Weimar, Đức, cùng hai đồng tác giả Xiaoying Zhuang (ĐH Đồng Tế, Trung Quốc & ĐH Leibniz, Đức) và Shahaboddin Shamshirband (ĐH Khoa học Công nghệ Na Uy).

Dù nhóm tác giả này phối hợp đôi vai rất nhíp nhàng, trong thực tế đại đa số các trường họ đứng tên luân phiên trong các bài báo không có quan hệ hợp tác chính thức nào với nhau. Phải chăng, do ARWU giảm điểm PUB khi một tác giả đứng tên 2 nhiệm sở trong một bài báo, nên các trường muốn thăng hạng nhanh chóng đã quyết liệt yêu cầu tác giả bỏ qua hoàn toàn nhiệm sở chính của họ? Có lẽ nhiều trường chủ quản biết rõ chuyện này nhưng vì nhiều lí do khác nhau mà nhắm mắt làm ngơ, để cho người của mình tự do phát triển mối quan hệ cộng tác hoàn toàn mang màu sắc cá nhân như vậy.

Một cách khách quan, thủ thuật luân phiên đôi vai để khai man nhiệm sở này đã vi phạm các nguyên tắc trung thực và ngay thẳng trong nghiên cứu khoa học của Tuyên bố Singapore, cũng như các tiêu chí minh bạch trong hợp tác nghiên cứu cả ở hai cấp độ cá nhân và tổ chức của Tuyên bố Montreal. Giáo sư Mario Biagioli (ĐH Stanford), trong một bài báo đăng tạp chí *Los Angeles Review of Books* tháng 09/2020, đã xếp thủ thuật này trong nhóm hành vi "gian lận hậu kì" (*postproduction misconduct*). Tức là nội dung các bài báo là thật, chỉ giả ở khâu tạo hiệu ứng tác động đo lường thư mục. Hệ quả là một số nhà nghiên cứu nằng nổ không chỉ ngồi chờ được mời gọi, mà còn chủ động đưa danh sách xuất bản của mình ra "đấu giá", với dẫn chứng chính từ... Việt Nam.

Vấn đề hợp tác nghiên cứu khoa học và thành tích công bố quốc tế

Trong thời gian qua, dư luận có nhiều luồng ý kiến về thành tích công bố bài báo khoa học quốc tế của một số trường đại học trong nước, quan điểm đôi khi trái ngược nhau, thậm chí theo cảm tính mà không dựa vào các dữ liệu thực sự xác đáng. Những con số sơ bộ nêu trên cho thấy cần tạm thời bỏ qua yếu tố tạp chí dỏm kém chất lượng, vì hầu hết các cơ chế đánh giá khoa học trong nước hiện giờ đều xem danh mục ISI là đáng tin cậy hàng đầu. Cũng cần bỏ qua yếu tố lương bổng, thu nhập của các nhà khoa học trong nước, vì trên 70 % số tác giả liên quan là người nước ngoài hay người Việt đang công tác tại một trường đại học ở một quốc gia có trình độ phát triển cao hơn Việt Nam. Dù gì đi nữa, những thủ thuật khai man nhiệm sở để tạo thành tích ảo trong công bố khoa học quốc tế hoàn toàn không có lợi gì cho việc phát triển nghiên cứu trong nước một cách thực chất.

Nói đến việc này, thiết tưởng rất nên lưu ý đến kết quả kiểm định do Hội đồng cấp cao về đánh giá khoa học và giáo dục đại học (HCÉRES) của Pháp dành cho các trường đại học Việt Nam. Cụ thể năm 2017 có 4 trường ĐH Bách khoa Hà Nội, ĐH Xây dựng, ĐH Bách khoa thuộc ĐH Đà Nẵng và ĐH Bách khoa thuộc ĐHQG TP. HCM; và năm 2018 có thêm TDTU. Từ góc nhìn độc lập và khách quan của một quốc gia xếp trong nhóm 6 nước có năng lực nghiên cứu hàng đầu thế giới, các chuyên gia HCÉRES đã khuyến cáo các trường ĐH Việt Nam cần chú trọng phát triển các nhóm nghiên cứu tự chủ tại chỗ, hoàn toàn độc lập với các nhà khoa học nước ngoài, với ưu tiên thích đáng cho các đề tài tương thích với bối cảnh học thuật địa phương.

Đặc biệt, cần tăng cường hợp tác nghiên cứu liên trường (chứ không phải cộng tác cá nhân) với các trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp trong nước nhằm tăng cường hiệu quả tác động kinh tế xã hội và khả năng chuyển giao tri thức. Dưới con mắt của các chuyên gia cao cấp Pháp, hạ tầng nghiên cứu khoa học của các trường đại học Việt Nam hãy còn manh mún, nhỏ lẻ và phân tán. Có lẽ không trường nào có thể thành công bằng cách tạo dựng mọi thứ từ trống không, mà cần phải tăng cường hợp tác liên trường, cùng nhau kiên nhẫn xây dựng từ dưới lên để có một nền tảng thực sự chắc chắn và bền vững.

Một điểm chung bộc lộ rõ nhất qua cả 5 bản báo cáo đánh giá kiểm định của HCÉRES dành cho các trường Việt Nam, đó là sự thiếu gắn kết giữa nghiên cứu và đào tạo, với một phần nguyên nhân quan trọng do cơ cấu tổ chức các trường hầu hết đều theo hàng dọc với rất nhiều đơn vị song song ngang hàng. Mỗi trường đều có một cơ sở đông đảo các đơn vị chuyên trách những nhiệm vụ tương đối cụ thể trong đào tạo (khoa, bộ môn) hay trong nghiên cứu (viện, trung tâm), chịu trách nhiệm trực tiếp trước cấp lãnh đạo cao nhất (ban giám hiệu), nhưng hoàn toàn thiếu các bậc hay cơ cấu tổ chức trung gian, giúp phối hợp chặt chẽ và hài hoà các hoạt động nghiên cứu với đào tạo và

chuyển giao, hay tăng cường hợp tác liên đơn vị ngay trong nội bộ từng trường. Sự phân tán đó là một yếu tố then chốt làm giảm năng lực vận hành đồng bộ, hài hoà trong nội bộ cũng như khả năng tập hợp lực lượng đủ mạnh, tạo hình ảnh đối ngoại hay phát triển quan hệ hợp tác với các trường, doanh nghiệp, tổ chức đối tác trong nước và quốc tế.

Nên chăng, thay vì tách mình ra khỏi cộng đồng khoa học sở tại để “một mình một ngựa” leo lên các bảng xếp hạng quốc tế nhanh chóng nhưng không đúng thực chất, các trường đại học trong nước hãy ngồi lại với nhau, thẳng thắn bàn thảo phương thức hợp tác nghiên cứu song phẳng, minh bạch cả về lợi ích và nghĩa vụ của mỗi bên? Có thể thấy hiện nay một lực lượng các nhà khoa học trẻ tại nhiều trường đại học trong nước đang định hình, ngày càng mạnh, mỗi người một vẻ. Một sự hợp tác học thuật công bằng, liêm chính, được đánh giá một cách hài hoà bằng cả các chỉ số định lượng và định tính, mang lại lợi ích chung cho cả cộng đồng khoa học và kinh tế xã hội trong nước, tăng cường giá trị và chất lượng các công trình nghiên cứu thực sự của Việt Nam trên trường quốc tế, là điều hoàn toàn khả dĩ. Với quy chế tự chủ mới và xu thế quốc tế hoá không thể đảo ngược, người viết tin rằng tất cả các trường đại học trong nước đều có điều kiện thuận lợi, sẵn sàng để tìm giải pháp phù hợp, khắc phục những tồn tại về cơ chế lương bổng và hợp tác liên trường trong nghiên cứu khoa học để có thể cùng nhau phát triển.